

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 7

PHẦN THỨ 5: NHẬP NHÂN QUẢ ẤY

Luận nói: “Như vậy đã nói nhập tướng của đối tượng nhận thức, nhập nhân quả kia làm sao thấy được? Là do thí, giới, nhẫn, tinh tấn, tĩn lự và Bát-nhã, sáu Ba-la-mật-đa. Thế nào là do sáu Ba-la-mật-đa mà được nhập duy thức? Thế nào là Ba-la-mật-đa thành nhập quả kia? Là Bồ-tát này không nhiễm tài vị, không phạm thi-la, đối với khổ không bị động, đối với tu không biếng trễ, trong các nhân tán động như vậy khi không hiện hành thì tâm chuyên một cảnh, liền có thể như lý quyết đoán đúng các pháp, được nhập duy thức, Bồ-tát nương vào sáu Ba-la-mật-đa nhập duy thức rồi, chứng đắc chỗ thuộc về Ba-la-mật-đa của 6 thứ ý lạc thanh tịnh tăng thượng, nên đối với ý lạc này, nếu lìa sáu thứ Ba-la-mật-đa, hiện khởi gia hạnh, do nơi Thánh giáo mà đắc thắng giải, và do ái trọng tùyhy và tác ý vui thích, thường vô gián tương ứng với phương tiện, tu tập sáu Ba-la-mật-đa, mau chóng được viên mãn”.

Giải thích: Nếu lúc đó được nhập duy thức, thì ngay lúc ấy được chứng Ba-la-mật-đa thanh tịnh ý lạc tăng thượng. “Hiện khởi gia hạnh”, tức là Ba-la-mật-đa hiện hành gia hạnh. “Do Thánh giáo mà đắc thắng giải”, tức là Ba-la-mật-đa này tương ứng với Thánh giáo, tuy cực thậm thâm nhưng có thể tin hiểu. “Ái trọng tùyhy”, tức là đối với việc thấy rõ công đức kia sinh ưa thích sâu xa. “Tác ý vui thích”, là giống như đã đến bờ giác tối thắng, là chỗ đắc ý lạc thanh tịnh của chư Phật: “Nguyện ta cùng tất cả hữu tình cũng sẽ chứng đắc”.

Luận nói: “Trong đây có ba bài tụng:

*Đã viên mãn pháp trắng,
Và đạt nhân lợi tột,
Bồ-tát nơi tự thừa,
Rộng lớn thậm thâm giáo.
Đẳng giác chỉ phân biệt*

*Đắc trí không phân biệt,
Mong cầu, thắng giải tịnh,
Nên ý lạc thanh tịnh.
Trước cùng pháp lưu này,
Đều được thấy chư Phật,
Biết rõ gần Bồ-đề,
Vì thấy không khó đắc”.*

Do ba bài tụng này hiển bày chung về ý lạc thanh tịnh tăng thượng có bảy thứ tướng: 1. Tư lương. 2. Gắng nhận. 3. Đối tượng duyên. 4. Tác ý. 5. Tự thể. 6. Tướng điềm lành. 7. Thắng lợi. Như thứ tự đó, phải biết là các câu kệ đã chỉ rõ”.

Giải thích: Như vậy, ý lạc thanh tịnh tăng thượng có những tướng gì có thể thu tóm Ba-la-mật-đa? Để đáp câu hỏi này, kể đến nói ba bài tụng chỉ rõ tướng đó. “Đã viên mãn pháp trắng”, là trước hết đối với hạnh thắng giải nơi địa kia, khéo đầy đủ tư lương. Trong đây “pháp trắng viên mãn, và đắc nhãn lợi tật”, nhãn có ba phẩm là hạ trung thượng. Nhãn tối thượng trong đây là nhãn lợi tật, do đối tượng duyên đó mà đắc thanh tịnh. Tiếp theo là hiển thị “Bồ-tát nơi tự thừa, giáo quảng đại thậm thâm”, là đối với Đại thừa mà gọi là tự thừa, vì trong Đại thừa này nói Vô thượng sự việc thậm thâm quảng đại. Tánh pháp vô ngã gọi là sự thậm thâm, các Tam-ma-địa của hư không tạng gọi là sự quảng đại. Do đắc tác ý mà được thanh tịnh. Sau đó là hiển thị “đẳng giác chỉ phân biệt, đắc trí Vô phân biệt”, là biết tất cả các pháp chỉ có phân biệt, tức có khả năng đạt được trí Vô phân biệt, tự thể của ý lạc. Sau nữa, hiển thị “mong cầu, thắng giải tịnh, nên ý lạc thanh tịnh”, là dục và thắng giải đồng thời thanh tịnh nên ý lạc thanh tịnh. Phải biết trong đây, dục là mong cầu, tìn gọi là thắng giải, là tướng lành của ý lạc. Kế đó hiển thị “trước cùng pháp lưu này, đều được thấy chư Phật”, trước quả vị ý lạc thanh tịnh gọi là “trước”, trong quả vị ý lạc thanh tịnh thì gọi là “pháp lưu này”, “đều được thấy chư Phật” là tướng lành của các quả vị đó, “pháp lưu” là thắng lợi của ý lạc. Tiếp sau hiển thị “biết rõ gần Bồ-đề, vì thấy không khó đắc”, là trong định vị thấy Bồ-đề đã gần đắc, vì có thể đắc phương tiện thù thắng không khó lắm! Trong ba bài tụng này hiển thị ý lạc thanh tịnh tăng thượng, có tư lương như vậy, gắng nhận như vậy, đối tượng duyên như vậy, tác ý như vậy, tướng lành như vậy, thắng lợi như vậy, do ba bài tụng này mà thành lập chỗ có thể tướng của ý lạc thanh tịnh tăng thượng.

Luận nói: “Nhân duyên gì mà Ba-la-mật-đa chỉ có sáu số? Vì

thành lập đối trị chương là chỗ được đối trị, vì chứng xứ, chỗ dựa của tất cả pháp Phật, vì tùy thuận thành thực các hữu tình, vì muốn đối trị nhân không phát khởi, nên lập thí và giới Ba-la-mật-đa, nhân bất phát khởi là nhiễm tiền tài, địa vị và nhiễm gia thất. Vì muốn đối trị nhân đã phát khởi nhưng lại thối chuyển, nên thành lập nhẫn và tấn Ba-la-mật-đa. Nhân thối chuyển, là ở trong sinh tử, hữu tình vi phạm chỗ sinh các khổ, và chỗ sinh mệt mỏi biếng trễ của thời gian dài nơi phẩm thiện gia hạnh. Vì muốn đối trị nhân đã phát khởi không thối chuyển nhưng hư hoại, nên thành lập định và huệ Ba-la-mật-đa. Nhân hư hoại là các huệ tán động và tà ác. Vì thành lập đối trị chỗ cần đối trị là chương như vậy, nên chỉ lập sáu số. Lại nữa, bốn Ba-la-mật-đa trước là nhân bất tán động, một Ba-la-mật-đa kế là thành tựu bất tán động, vì bất tán động này làm chỗ dựa, đẳng giác như thật chân nghĩa của các pháp, thì có thể chứng đắc tất cả Phật pháp. Chứng xứ chỗ dựa của pháp Phật như vậy nên chỉ lập sáu số. Do thí Ba-la-mật-đa nên có khả năng dẫn dắt các hữu tình. Do giới Ba-la-mật-đa nên đối với hữu tình có thể không huỷ hại. Do nhẫn Ba-la-mật-đa nên dù bị huỷ hại vẫn có thể chịu đựng. Do tấn Ba-la-mật-đa nên có thể trợ giúp sửa trị việc nên làm của chúng sinh kia, tức là do gồm thân nhân duyên lợi ích như vậy, khiến cho họ đối với sự thành thực có chỗ có thể gắng gáp vác được. Từ đây về sau, tâm chưa đắc định thì giúp cho đắc định, tâm đã đắc định thì giúp được giải thoát. Khi khai ngộ thì chúng sinh kia được thành thực, tùy thuận thành thực các hữu tình, phải biết chỉ lập sáu số như vậy”.

Giải thích: Trong thành lập đối trị chỗ cần đối trị là chương, “nhân hư hoại là tuệ tà ác” là điên đảo chấp thủ gọi là huệ tà ác, như các ngoại đạo do huệ tà ác mà hư hoại, các nghĩa còn lại có thể hiểu được. “Chứng xứ sở y của pháp Phật”, là chứng nhân của tất cả pháp Phật, do đây mà thành lập nhân duyên thứ hai, số của Ba-la-mật-đa chỉ có sáu không tăng không giảm. “Vì bất tán động này làm chỗ dựa, đẳng giác đúng như thật về chân nghĩa của các pháp” là dựa nơi tĩnh lực Ba-la-mật-đa, có thể phát khởi đẳng giác đúng như thật về chân nghĩa các pháp của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, các nghĩa còn lại có thể hiểu. Trong nhân duyên thứ ba thành lập số, là “tùy thuận thành thực các hữu tình”, là vì tùy thuận thành thực tất cả loại hữu tình, nên chỉ lập sáu số không tăng không giảm. “Tâm chưa đắc định thì giúp đắc định”, là đắc tâm tĩnh lực Ba-la-mật-đa. “Tâm đã đắc định thì giúp được giải thoát”, là đắc Bát-nhã Ba-la-mật-đa. “Khi khai ngộ thì chúng sinh kia được thành thực”, là khi truyền dạy thì khiến cho họ thành thực.

Luận nói: “Tướng của sáu thứ này làm sao thấy được? Vì do sáu thứ tối thắng: 1. Do chỗ dựa tối thắng, là tâm Bồ-đề làm chỗ dựa. 2. Do sự tối thắng, là hiện hành đầy đủ. 3. Do xứ tối thắng, là sự lợi ích của tất cả hữu tình làm dựa nơi. 4. Do phương tiện thiện xảo tối thắng, là chỗ thâm nhận của trí Vô phân biệt. 5. Do hồi hướng tối thắng, là hồi hướng chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. 6. Do thanh tịnh tối thắng, là hai chướng phiền não và đối tượng nhận thức không thể làm chướng ngại sự tập khởi. Thí là Ba-la-mật-đa hay Ba-la-mật-đa là thí? Có thí không phải Ba-la-mật-đa, có Ba-la-mật-đa không phải thí. Phải nêu bốn trường hợp như vậy đối với thí đó, phải biết đối với các Ba-la-mật-đa còn lại cũng áp dụng bốn trường hợp như vậy”.

Giải thích: Lấy những tướng gì? Thí... được gọi là Ba-la-mật-đa, là do các thể gian và Thanh-văn, Độc-giác cũng có thí, nên quyết định phải nói tướng của nó, là sáu thứ tối thắng làm tướng của thí... “chỗ dựa tối thắng”, là tâm Bồ-đề làm chỗ mà nó dựa. “Sự tối thắng”, là không có một sự đối với nội sự và ngoại sự mà hiện hành đầy đủ., chỉ có Bồ-tát mới có thể hiện hành đầy đủ. “Xứ tối thắng”, là lấy lợi ích an lạc của tất cả hữu tình làm xứ. “Phương tiện thiện xảo tối thắng”, đó chính là ba luân thanh tịnh, trong đây chỗ giữ lấy phương tiện thiện xảo là do không có ba thứ phân riêng vật thí, người thí và người thọ. Như vậy chỗ thuộc về trí Vô phân biệt, thì thí... được gọi là Ba-la-mật-đa. “Hồi hướng tối thắng”, là thí... Hồi hướng cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. “Thanh tịnh tối thắng”, là đến Phật quả thì thí... Mới thanh tịnh, lúc đó giải thoát hai thứ chướng ngại chỗ tập khởi của phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng. “Thí là Ba-la-mật-đa hay Ba-la-mật-đa là thí”s, là câu hỏi trong câu đáp. “Có thí không phải Ba-la-mật-đa”, là lia sáu thứ tối thắng mà hành thí. “Có Ba-la-mật-đa không phải thí”, là chỗ gồm thâm của sáu thứ tối thắng. Giới... có cũng thí cũng Ba-la-mật-đa, là chỗ thuộc về của sáu thứ tối thắng; bố thí có thí không phải phi Ba-la-mật-đa vì lia sáu thứ tối thắng mà hành giới. Phải biết đối với tất cả Ba-la-mật mà làm bốn trường hợp như vậy.

Luận nói: “Nhân duyên gì mà sáu thứ Ba-la-mật-đa nói thứ tự như vậy? Là vì Ba-la-mật-đa trước tùy thuận sinh Ba-la-mật-đa sau”.

Giải thích: Nương vào sự sinh khởi trước sau của sáu thứ Ba-la-mật-đa mà nói thứ lớp như vậy.

Luận nói: “Lại nữa, danh ngôn giảng nêu của các Ba-la-mật-đa này làm sao thấy được? Là đối với thiện căn thí... của thể gian và Thanh-văn, Độc-giác hết sức thù thắng, có khả năng đến bờ kia, nên gọi chung

là Ba-la-mật-đa. Vì có thể phá vỡ bản cùng keo kiệt và có thể dẫn dắt tài vị, tư lương phước đức nên gọi là thí. Lại cũng có thể diệt mất giới ác (luật), cõi ác và có thể lấy được cõi thiện và đẳng trì, nên gọi là giới. Lại cũng có thể diệt tận phần nộ, oán thù và có thể khéo trụ an ổn tự tha, nên gọi là nhẫn. Lại có thể xa lìa chỗ có biếng trễ xấu, pháp bất thiện, có thể sinh ra vô lượng pháp thiện, khiến pháp thiện tăng trưởng, nên gọi là tinh tấn. Lại cũng có thể trừ diệt chỗ có tán động và có thể dẫn dắt nội tâm an trụ, nên gọi là tĩnh lự. Lại cũng có thể dứt trừ các huệ tà ác của tất cả kiến, thú và có thể nhận biết riêng pháp của phẩm chân thật, nên gọi là tuệ”.

Giải thích: Bây giờ sẽ hiển thị giảng nêu danh ngôn, trước hết giải thích tổng danh: Do tất cả Ba-la-mật có thể đến bờ kia nên gọi tên là Ba-la-mật-đa, vượt hơn bờ kia thí... của thế gian và Thanh-văn, Độc-giác, nên gọi chung là Ba-la-mật-đa. Tiếp theo là giải thích biệt danh. Vì khi làm nhân thì diệt trừ huệ thí bốn xển, khi làm quả thì phá vỡ tất cả bản cùng, và khi làm quả thì có thể dẫn tài vị lớn, tư lương phước đức rộng, nên gọi là thí. Lại nữa, khi làm nhân thì dứt trừ các giới ác, khi làm quả thì có thể diệt tất cả cõi ác đối với vị lai có thể nắm được cõi thiện, đối với đời hiện tại thì có thể đắc đẳng trì, nên gọi là giới. Như vậy ngôn từ giảng nêu của tất cả Ba-la-mật-đa như đáng phải nói. “Và có thể khéo trụ an ổn tự tha”, là đối với tự thân không bị sai lầm phần nộ gây rắc rối, không làm cho người khác đau khổ, nên được an ổn.

Luận nói: “Tại sao phải biết tu tập Ba-la-mật-đa như vậy? Phải biết tu tập này lược có năm thứ: 1. Tu hiện khởi gia hạnh. 2. Tu thắng giải. 3. Tu tác ý. 4. Tu phương tiện thiện xảo. 5. Tu thành sở tác sự. Trong đây, có bốn thứ tu đã nói như trước. Thành sở tác sự tu, là chư Như Lai gánh vác Phật sự không có ngơi nghỉ, đối với Ba-la-mật-đa viên mãn thì lại càng tu tập sáu đến bờ kia. Lại cũng tu tác ý, là tu tập chỗ gồm thâm ái trọng tùy hỷ và tác ý hân lạc của sáu thứ ý lạc: 1. Ý lạc quảng đại. 2. Ý lạc trường thời. 3. Ý lạc hoan hỷ. 4. Ý lạc đội ân. 5. Ý lạc đại chí. 6. Ý lạc thuần thiện. Hoặc các Bồ-tát vượt quả cho đến bao nhiêu vô số đại kiếp hiện chứng chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, trải qua thời gian mỗi mỗi sát-na như thế, giả sử nhanh chóng xả bỏ tất cả thân mạng, và lấy thế giới như số cát sông hằng chứa đầy bảy báu cúng dường Như Lai, cho đến an tọa tòa diệu Bồ-đề, Bồ-tát bố thí ý lạc như vậy, cũng không chán đủ, trải qua thời gian mỗi mỗi sát-na như thế, giả sử lửa rực đầy trong tam thiên đại thiên thế giới, đối với bốn oai nghi thường thiếu hụt mọi vật dụng nuôi sống. Tâm giới, nhẫn, tinh tấn, tĩnh

lự, Bát-nhã thường hằng hiện hành cho đến an toạ toà diệu Bồ-đề. Như vậy cả thấy ý lạc trong giới, nhãn, tinh tấn, tĩnh lặng, Bát-nhã của Bồ-tát cũng không chán đủ, gọi đó là ý lạc quảng đại của Bồ-tát.

Lại nữa, các Bồ-tát ngay trong ý lạc này mà không chán ý lạc, cho đến an toạ diệu Bồ-đề toà thường không ngơi nghỉ, gọi đó là ý lạc trường thời của Bồ-tát.

Lại nữa, các Bồ-tát dùng sáu thứ Ba-la-mật-đa tạo lợi ích cho hữu tình, do các việc mà mình làm này sinh sau hoan hỷ đem lợi ích. Hữu tình điều mà họ không có khả năng làm được, gọi đó là ý lạc hoan hỷ của Bồ-tát.

Lại nữa, các Bồ-tát dùng sáu thứ Ba-la-mật-đa tạo lợi ích cho hữu tình, thấy họ có ân đức lớn với mình, không thấy mình có ân đối với họ, gọi đó là ý lạc đội ân.

Lại nữa, các Bồ-tát lấy chỗ tụ tập thiện căn của sáu pháp đến bờ kia như vậy, trong thâm tâm hồi hướng thí cho tất cả hữu tình, giúp họ đắc quả dị thực khả ái thù thắng, gọi đó là ý lạc đại chí của Bồ-tát.

Lại nữa, các Bồ-tát lại lấy như vậy chỗ tụ tập thiện căn của sáu pháp đến bờ kia, cùng chung các hữu tình hồi hướng Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, gọi đó là ý lạc thuần thiện của Bồ-tát. Như vậy là Bồ-tát tu chỗ gồm thấu tác ý ái trọng của sáu thứ ý lạc này.

Lại nữa, các Bồ-tát đối với sáu thứ ý lạc của các Bồ-tát khác, tu tập tương ứng vô lượng thiện căn, thâm tâm tùy hỷ. Như vậy, Bồ-tát tu tập chỗ thuộc về tùy hỷ ý lạc của sáu thứ ý lạc này. Lại nữa, thâm tâm của các Bồ-tát ưa thích chỗ thuộc về sáu thứ đến bờ kia tu trong sáu thứ ý lạc của tất cả hữu tình, cũng nguyện tự thân cùng với sáu thứ đến bờ kia, tu này hằng không lìa nhau, cho đến an toạ toà diệu Bồ-đề, như vậy Bồ-tát tu chỗ thuộc về tác ý hân lạc của sáu thứ ý lạc này, nếu có hữu tình nào nghe chỗ thuộc về tác ý tu sáu thứ ý lạc của Bồ-tát này rồi, chỉ có thể khởi một niệm tín tâm, còn phải nên phát sinh vô lượng phước tụ, các nghiệp chướng ác cũng phải tiêu diệt, huống chi là Bồ-tát”?

Giải thích: Trong năm thứ tu, “tu hiện khởi gia hạnh”, là hiện khởi gia hạnh mà tu. “Tu thành sở tác sự”, là chư Như Lai an trụ Pháp thân, Phật sự mà mình làm là không công dụng, thường không có nghỉ ngơi, đối với sáu thứ Ba-la-mật-đa tuy không có hiện hành, nhưng vì dẫn dắt lợi ích các hữu tình, mà hằng thường hiện hành thành việc mình phải làm. “Lúc đó thời gian mỗi mỗi sát-na”, giả sử lấy ba vô số kiếp lượng làm một sát-na, như vậy sát-na tích tập thời lượng, cho đến Bồ-đề. “Trải qua thời gian mỗi mỗi sát-na như thế, giả sử nhanh chóng xả

bỏ tất cả thân mạng”, nghĩa này dễ hiểu, nhưng phải tùy theo bản văn. Như vậy tích tập thời lượng cho đến Bồ-đề. “Trải qua thời gian mỗi mỗi sát-na như thế, giả sử khiến cho một tâm của giới... ở trong lửa rục đầy tam thiên đại thiên thế giới, thường thiếu tất cả vật dùng nuôi sống”, đây là hiển thị trụ xứ gian nan, nhân duyên sinh sống thiếu thốn, trong đây ý lạc không chán đủ, phải biết là ý lạc quảng đại. Thời gian dài này hằng không gián đoạn, phải biết là ý lạc trường thời. Trường thời là thời gian lâu dài, các nghĩa còn lại dễ hiểu. “Chư nghiệp chướng ác cũng phải tiêu diệt”, là trong đây có ý nói diệt công năng của nghiệp chướng và công năng của dị thực, hoặc đối trị lực dẫn đến cõi ác của hữu tình kia.

Luận nói: “Sai biệt của các Ba-la-mật-đa này làm sao thấy được? Phải biết mỗi Ba-la-mật-đa đều có ba phẩm. Ba phẩm thí: 1. Pháp thí. 2. Tài thí. 3. Vô úy thí. Giới có ba phẩm: 1. Giới luật nghi. 2. Giới nhiếp pháp thiện. 3. Giới nhiều ích hữu tình. Ba phẩm nhẫn: 1. Nhẫn nại oán hại. 2. Nhẫn an thọ khổ. 3. Nhẫn đế sát pháp. Tinh tấn có ba phẩm: 1. Tinh tấn bị giáp. 2. Tinh tấn gia hạnh. 3. Tinh tấn không khiếm nhược không thối chuyển không hỷ túc. Ba phẩm tĩnh虑: 1. Tĩnh虑 an trụ. 2. Tĩnh虑 dẫn phát. 3. Tĩnh虑 thành sở tác sự. Tuệ có ba phẩm: 1. Tuệ gia hạnh vô phân biệt. 2. Tuệ vô phân biệt. 3. Tuệ hậu đắc vô phân biệt”.

Giải thích: Trong khi nói về phẩm sai biệt của Ba-la-mật-đa này, là hiển thị thể tánh đều có ba sai biệt. Trong đây tại sao nói ba thứ sai biệt của pháp thí...? Là do pháp thí nuôi dưỡng thiện căn của người khác, do tài thí nuôi dưỡng làm lợi ích thân của người khác, do vô úy thí nuôi dưỡng làm lợi ích tâm của người khác, vì nhân duyên đó nên nói ba thí.

Trong ba thứ giới: Giới luật nghi là giới nương giữ, vì muốn kiến lập hai giới còn lại do đó mà an trụ. Tại sao vậy? Vì trụ luật nghi thì có thể kiến lập giới nhiếp pháp thiện, do đây tu tập tất cả pháp Phật, chứng đại Bồ-đề. Lại có thể kiến lập giới nhiều ích hữu tình, do đây mà có thể thành thực hữu tình.

Trong ba thứ nhẫn: Nhẫn nại oán hại có khả năng chịu đựng oán hại mà kẻ khác gây ra, khi siêng tu các việc làm lợi ích hữu tình, do lực nhẫn này, gặp sinh tử khổ mà không thối chuyển. Nhẫn an thọ khổ có thể nhẫn chịu chỗ bị nhiều khổ, do nhẫn lực này, trong sinh tử tuy ở trong các khổ nhưng không thối chuyển. Nhẫn đế sát pháp có thể gánh vác, quán sát kỹ lưỡng các pháp, do nhẫn lực này mà kiến lập hai nhẫn trước.

Trong ba thứ tinh tấn: Thể sai biệt của nó tức như đức Bạc-già-phạm trong kệ kinh nói: “Có uy lực, có siêng năng, có dũng mãnh và kiên cố, không xả ách thiện”. Năm câu trong kinh đó tức đã giải thích thể của ba thứ tinh tấn trong đây. Do tinh tấn bị giáp nên đầu tiên là có uy lực. Do tinh tấn gia hạnh, nên khi gia hạnh thì có thể tinh cần. Do tinh tấn không khiếm nhược không thối chuyển không hỷ túc, nên như thứ lớp của nó đối với tinh tấn này, sau đó là dũng mãnh và kiên cố không xả ách thiện. Do ba tinh tấn này mà giải thích năm câu kia. Tại sao vậy? Hoặc có người trước hết là vì cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, tuy có uy lực nhưng khi gia hạnh thì không thể thúc đẩy, nên nói là “có siêng năng”, tuy có siêng năng nhưng tâm thì khiếm nhược, để đối trị tâm đó nên nói “có dũng”. Do có dũng mãnh nên tâm không thối khuất, phải biết khiếm nhược tức là thối khuất. Tâm tuy không khiếm nhược nhưng gặp sinh tử khổ thì tâm có thể thối chuyển. Do đây mà sự cầu quả Phật bị tiêu mất. Để đối trị tâm này mà lập không thối chuyển. Không thối chuyển tức là kiên cố, không thối chuyển hiển thị kiên cố. Do kiên cố nên gặp khổ không thối lui, tuy gặp khổ có thể không thối chuyển nhưng được ít thiện thì liền sinh hỷ túc, do đây mà không chứng Bồ-đề Vô thượng, nên kể đó phải nói không hỷ túc, tức là nghĩa không được cho là đủ chút nào cả, nghĩa này tức chỉ rõ không bỏ ách thiện, do nghĩa đó nên nói ba thứ tinh tấn.

Trong ba thứ tĩnh lự: Tĩnh lự an trụ, là do tĩnh lự này mà có thể an trụ nơi hiện pháp lạc. Tĩnh lự dẫn phát, là do đây dẫn phát sáu thứ thần thông. Tĩnh lự thành sở tác sự, là nương vào tĩnh lự này mà thành lập chỗ làm lợi ích hữu tình, do đó nói tên là sự việc tạo tác được thành tựu. Do nghĩa này nên tĩnh lự có ba thứ.

Trong an lập thể của huệ có ba thứ, nghĩa đó cũng dễ hiểu.

Luận nói: “Như vậy tướng thâm tóm, làm sao thấy được? Vì do đây có thể thâm tóm tất cả pháp thiện, vì đó là tướng của nó, đó là tùy thuận, là đẳng lưu”.

Giải thích: “Như vậy tướng thâm tóm, làm sao thấy được”? Đây là hỏi như vậy Ba-la-mật-đa cùng với pháp thiện cùng thâm tóm làm sao thấy được. “Do đây có thể thâm tóm tất cả pháp thiện”, phải biết là do Ba-la-mật-đa này có thể thâm tóm đầy đủ tất cả pháp thiện, pháp thiện kia cũng có thể thâm tóm Ba-la-mật-đa. Phải biết tất cả pháp thiện trong đây tức là tất cả phần pháp Bồ-đề. “Vì đó là tướng của nó”, tức là tướng của Bát-nhã. “Đó là tùy thuận”, phải biết tức là tín khinh an. “Đó là đẳng lưu”, là sáu thần thông, mười lực và các pháp công đức khác.

Luận nói: “Như vậy, chỗ đối trị thâm tóm các tạp nhiễm làm sao thấy được? Vì đó là tướng này, đó là nhân này, đó là quả này”.

Giải thích: Như đến bờ kia thâm tóm các pháp trắng, trước đã hiển thị chỗ đối trị này cũng thâm tóm tất cả pháp tạp nhiễm, bây giờ hiển thị. “Vì đó là tướng này”, là tướng của tham... “đó là nhân này”, là nhân của xan... bị gọi là bất tín và tà kiến. “Đó là quả này”, là các quả xan tham, phạm giới, nhẫn...

Luận nói: “Như vậy sự thắng lợi mà sáu thứ Ba-la-mật-đa có được, làm sao thấy? Là các Bồ-tát lưu chuyển sinh tử, vì phú quý thâm tóm, vì đại sinh thâm tóm, vì chỗ thuộc về của đại bằng hữu, đại quyền thuộc, vì chỗ thuộc về của sự nghiệp quảng đại gia hạnh thành tựu, vì chỗ thuộc về của tánh không có các não hại, trần cấu mỏng dần, vì chỗ thuộc về của khéo biết hết thấy công luận, minh xứ, thắng sinh vô tội cho đến an toạ toạ diệu Bồ-đề, thường có thể hiện khởi tất cả nghĩa lợi của tất cả hữu tình, đó gọi là thắng lợi”.

Giải thích: Bây giờ sẽ hiển thị chỗ đắc thắng lợi của Ba-la-mật-đa. “Thắng sinh vô tội”, là không giống như ngoại đạo tuy được đời sống thù thắng nhưng có tội nhiễm ô xen tạp. Lại nữa, thắng sinh đó đều là vô thường, nhưng quả của Ba-la-mật-đa thì không phải vô thường, vì do nói “cho đến an toạ toạ diệu Bồ-đề”. Lại nữa, thắng sinh đó chỉ có tự lợi, không thể lợi tha, vì do không nói “thường có thể hiện khởi tất cả nghĩa lợi của hữu tình”. Chỗ đắc thắng quả của Ba-la-mật-đa là “thường có thể hiện khởi tất cả nghĩa lợi của tất cả hữu tình”, như vậy gọi là các pháp đến bờ kia đạt được nghĩa lợi của quả thù thắng của vô tội.

Luận nói: “Như vậy, sáu thứ Ba-la-mật-đa quyết đoán xét chọn lẫn nhau làm sao thấy được? Đức Thế Tôn đối với tất cả sáu thứ Ba-la-mật-đa này, có nơi nói tiếng thí, hoặc có nơi nói tiếng giới, hoặc có nơi nói tiếng nhẫn, hoặc có nơi nói tiếng cần, hoặc có nơi nói tiếng định, hoặc có nơi nói tiếng tuệ. Như vậy những điều nói đó có ý thú gì? Là trong tất cả Ba-la-mật-đa tu gia hạnh đều có tất cả Ba-la-mật-đa trợ hỗ thành tựu lẫn nhau, là ý nghĩa như vậy”.

Giải thích: Trong các kinh ba trăm tụng Ba-la-mật-đa, vốn là nói một Ba-la-mật-đa mà là nói tất cả Ba-la-mật-đa. Nói như vậy có ý nghĩa sâu xa gì? Là khi tu một Ba-la-mật-đa thì tất cả tương trợ. Phải biết trong đây có ý nghĩa sâu xa như vậy, là khi tu thí để phòng hộ thân ngữ, do đây có giới Ba-la-mật-đa mà tương trợ thành tựu, cho đến biết rõ nhân quả của thí, do đây có tuệ Ba-la-mật-đa tương trợ thành tựu, các tương trợ khác cũng nên biết như vậy.

Luận nói: “Trong đây có một bài tụng:

*Số tướng và thứ lớp,
Huấn từ tu sai biệt,
Công đức gồm chỗ trị,
Phải biết cùng quyết trạch”.*

Giải thích: Bài tụng thứ đệ trước, văn đó dễ hiểu.

PHẦN THỨ 6: TU SAI BIỆT

Luận nói: “Như vậy đã nói nhập nhân quả kia, tu sai biệt ấy làm sao thấy được? Do mười địa nơi Bồ-tát thấy được. Những gì là mười? 1. Địa cực hỷ. 2. Địa ly cấu. 3. Địa phát quang. 4. Địa diệm tuệ. 5. Địa cực nan thắng. 6. Địa hiện tiền. 7. Địa viễn hành. 8. Địa bất động. 9. Địa thiện tuệ. 10. Địa pháp vân. Các địa như vậy an lập làm mười địa, làm sao thấy được? Vì muốn đối trị sở tri chướng của mười thứ vô minh. Tại sao vậy? Vì đối với mười tướng đối tượng nhận thức pháp giới có chỗ đối trị là chướng trụ của mười vô minh. Thế nào là mười tướng đối tượng nhận thức pháp giới? Là trong sơ địa do nghĩa biến hành, trong địa thứ hai do nghĩa tối thắng, trong địa thứ ba do nghĩa thắng lưu, trong địa thứ tư do nghĩa không thâm nhận, trong địa thứ năm do nghĩa thiện tục không sai biệt, trong địa thứ sáu do nghĩa không tạp nhiễm thanh tịnh, trong địa thứ bảy do nghĩa vô số pháp không sai biệt, trong đệ bát địa do nghĩa bất tăng bất giảm, nghĩa tướng chỗ dựa tự tại, độ (cõi) chỗ dựa tự tại, trong đệ cửu địa do nghĩa chỗ dựa trí tự tại, trong địa thứ mười do nghĩa nghiệp tự tại cùng chỗ dựa, nghĩa môn Đà-la-ni môn Tam-ma-địa chỗ dựa tự tại. Trong đây có ba bài tụng:

*Nghĩa biến hành, tối thắng,
Cùng với nghĩa thắng lưu,
Như vậy nghĩa không gồm,
Nghĩa tương tục không khác.
Nghĩa tịnh không tạp nhiễm,
Nghĩa vô số không khác,
Nghĩa không tăng không giảm,
Nghĩa bốn nương tự tại.
Trong pháp giới có mười,
Không nhiễm ô vô minh,*

*Trị chỗ trị chướng này,
Nên an lập thập địa”.*

Lại nữa, như vậy phải biết vô minh đối với Thanh-văn, Độc-giác không phải nhiễm ô, đối với Bồ-tát là nhiễm ô”.

Giải thích: Y theo vị tu sai biệt của nhân quả kia, do đó hỏi đáp thế nào là pháp giới đối tượng nhận thức, là trong sơ địa do nghĩa biến hành, cho đến trong địa thứ mười do nghĩa nghiệp chỗ dựa tự tại, nghĩa môn đà-ra-ni môn Tam-ma-địa chỗ dựa tự tại. Do mười thứ tướng mà pháp giới có thể biết được, nên gọi là mười tướng đối tượng nhận thức pháp giới, là trong các địa mỗi mỗi đều có một tướng đối tượng nhận thức pháp giới. Nhưng do lực vô minh nên không thể biết rõ, vì muốn đối trị vô minh như vậy nên lập ra mười địa. Lại nữa, chỗ đối trị chướng có mười thứ của nó nên lập ra mười địa. Những gì gọi là mười chỗ đối trị chướng? 1. Tánh dị sanh. 2. Đối với các thân hữu tình làm tà hạnh. 3. Tánh trì độn có lãng quên văn tư tu. 4. Phiền não vi tế hiện hành cùng sinh khởi thuộc về thân kiến. Vì vô minh này là phẩm tối hạ, vì không tạo ý duyên, vì xa lìa tùy hiện hành, phải biết đó là vi tế. 5. Đối với hạ thừa mà bát Niết-bàn. 6. Thô tướng hiện hành. 7. Tướng tế hiện hành. 8. Đối với vô tướng tác hành. 9. Đối với sự tạo lợi ích hữu tình không đầy khởi tác hành. 10. Trong các pháp chưa đắc tự tại.

Nghĩa biến hành, là pháp giới này hiện hữu khắp tất cả hành, vì không có ít pháp nào không phải là vô ngã. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ nhất.

Nghĩa tối thắng, là pháp giới này tối thù thắng trong tất cả pháp. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ hai.

Nghĩa thắng lưu, là Đại thừa giáo từ đó lưu xuất tối thù thắng. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ ba.

Nghĩa không thâm nhận, là trong đây không có kế chấp ngã sở, không có thâm tóm ngã sở, như người bắc châu không có hệ thuộc. Đối với pháp giới này nếu khi chứng đắc trong đó đều không có ngã sở. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ tư.

Nghĩa tương tục không sai biệt, là thể trong đây không có khác nhau, không giống như nhãn... tùy theo các hữu tình tương tục sai biệt mỗi mỗi đều có không khác nhau. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ năm.

Nghĩa không tạp nhiễm thanh tịnh, là trong đây vốn không có tạp nhiễm, vì tánh không có nhiễm, đã không có tạp nhiễm tức là không có thanh tịnh. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ sáu.

Nghĩa vô số pháp không sai biệt, là pháp của khế kinh trong đây tuy có chủng chủng sai biệt an lập nhưng không có khác nhau. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ bảy.

Nghĩa bất tăng bất giảm, là tạp nhiễm trong đây khi giảm mà không có giảm, khi thanh tịnh tăng mà không có tăng. Nghĩa tướng chỗ dựa tự tại, là pháp giới này là chỗ dựa nơi của tướng tự tại, trong các tướng này được tự tại, gọi là tướng tự tại, tùy theo chỗ muốn thì tướng liền hiện tiền. Nghĩa cõi chỗ dựa tự tại, là pháp giới này là chỗ dựa của cõi tự tại, vì đối với chỗ hiển hiện cõi mà được tự tại, gọi là cõi tự tại, như muốn khiến cho cõi thành các báu kim, ngân... thì liền thành tùy ý. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ tám.

Nghĩa trí chỗ dựa tự tại, là pháp giới này làm chỗ dựa nơi của trí vô ngại biện tự tại. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ chín.

Nghiệp tự tại cùng chỗ dựa, là pháp giới này làm chỗ dựa nơi tự tại của các thân nghiệp... và chỗ dựa nơi của các môn Đà-ra-ni Tam-ma-địa. Nếu biết như vậy thì được nhập địa thứ mười.

“Như vậy vô minh đối với Thanh-văn, Độc-giác không phải nhiễm ô”, là do các Thanh-văn kia không muốn nhập các địa. Trong địa thứ nhất đã có thể thông đạt tất cả các địa, tại sao thứ lớp lại lập ra cho các địa? Tuy trong địa thứ nhất thông đạt tất cả địa, nhưng do trụ các địa này mà được an trụ, do lực trụ của các địa này mà kiến lập các địa.

Luận nói: “Lại nữa, tại sao địa thứ nhất gọi là cực hỷ? Do địa này đầu tiên đắc có thể thành tựu nghĩa lợi tự tha với công năng. Tại sao địa thứ hai gọi là ly cấu? Do lìa rất xa chỗ cấu uế của phạm giới. Tại sao địa thứ ba gọi là phát quang? Do không thối chuyển chỗ dựa nơi của đẳng trì và đẳng chí, là chỗ dựa nơi của đại pháp quang minh. Tại sao địa thứ tư gọi là diêm huệ? Do các pháp Bồ-đề phân tiêu diệt tất cả chướng. Tại sao địa thứ năm gọi là cực nan thắng? Do trí chân đế và trí thế gian trái nghịch nhau, vì hợp chung hai thứ khó hợp này khiến tương ưng. Tại sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền? Do trí duyên khởi làm chỗ dựa, có thể khiến Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền. Tại sao địa thứ bảy gọi là viên hành? Vì công dụng hạnh đi đến biến tế tối hậu. Tại sao địa thứ tám gọi là bất động? Do tất cả tướng hành có công dụng không thể lay động. Tại sao địa thứ chín gọi là thiện huệ? Do đắc trí vô ngại tối thắng. Tại sao địa thứ mười gọi là pháp vân? Do đắc trí tổng duyên hết thủy pháp, hàm chứa tất cả môn Đà-ra-ni, Tam-ma-địa, ví như đám mây lớn có thể che trùm, như sự che phủ rộng lớn của hư không. Lại nữa, vì đối với Pháp thân có thể viên mãn.

Giải thích: Tại sao địa thứ nhất gọi là cực hỷ? Vì do khi địa này mới đắc có công năng thù thắng có thể hành đủ tự tha cùng lợi. Các Thanh-văn khi khởi quán chân lý, chỉ đắc công năng hành đủ tự lợi, vì không đắc lợi tha nên Thanh-văn kia không sinh cực hỷ như vậy đồng với các Bồ-tát.

Tại sao địa thứ hai gọi là ly cấu? Vì tánh giới thành tựu trong địa này, không giống như địa thứ nhất tư duy chọn lựa hộ giới, vì tánh giới thành tựu nên các thứ cấu uế phạm giới đã lìa rất xa.

Tại sao địa thứ ba gọi là phát quang? Vì trong địa này cùng với Tam-ma-địa tam-ma-bát-để, thường không lìa nhau và không thối chuyển, đối với pháp Đại thừa có thể làm cho sáng tỏ.

Tại sao địa thứ tư gọi là diệt huệ? Vì trong địa này an trụ Bồ-đề phần pháp tối thắng, do trụ địa này nên có thể thiêu cháy tất cả phiền não căn bản và tùy phiền não, đều trở thành tro tàn.

Tại sao địa thứ năm gọi là cực nan thắng? Vì trong địa này biết trí chân đế là không phân biệt, biết các trí công luận của thế gian là có phân biệt, hai trí này trái nhau, phải tu sửa khiến cho hoà hợp, có thể hợp chung hai thứ khó này nên gọi là cực nan thắng.

Tại sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền? Là trụ trí duyên khởi trong địa này, do trí lực không phân biệt này trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa tối thắng mà được hiện tiền, giác ngộ tất cả pháp không nhiễm không tịnh, trong địa thứ bảy trở thành hữu hạnh, trong địa thứ tám trở thành vô hành.

Tại sao địa thứ tám gọi là viễn hành? Vì trong địa này đối với hành công dụng đắc cứu cánh, tuy tất cả tướng không thể dao động, nhưng đối với vô tướng cũng gọi là hữu hành.

Tại sao địa thứ tám gọi là bất động? Vì trong địa này chỗ có các tướng và tất cả hành đều không thể lay động, trí Vô phân biệt tùy ý lưu hành.

Tại sao địa thứ chín gọi là thiện huệ? Vì trong địa này trí vô ngại giải gọi là huệ, vì huệ này diệu thiện nên gọi là thiện huệ.

Tại sao địa thứ mười gọi là pháp vân? Vì trong địa này chỗ có tổng duyên hết thấy pháp trí ví như đám mây lớn, môn Đà-la-ni môn Tam-ma-địa cũng như nước tịnh, chỗ hàm chứa của trí này cũng như mây chứa nước. Lại nữa, như đám mây lớn có thể che khắp hư không, như vậy tổng duyên hết thấy pháp trí, rộng khắp có thể che phủ các chướng rộng lớn. “Lại nữa, vì đối với Pháp thân có thể viên mãn”, là như đám mây lớn có thể đầy khởi trùm khắp hư không, như vậy trí này đối với chỗ nương Pháp thân của các Bồ-tát đều có thể biến khắp. Viên mãn

trong đây, có ý nói là hiện hữu khắp.

Luận nói: “Đặc các địa này làm sao thấy được? Do bốn thứ tướng: 1. Đặc thắng giải, là đặc tín giải sâu xa của các địa. 2. Đặc chánh hành, là đặc tương ứng mười thứ hành chánh pháp của các địa. 3. Đặc thông đạt, là khi địa thứ nhất thông với pháp giới thì có thể thông đạt khắp tất cả địa. 4. Đặc thành mãn, là tu đáo cứu cánh của các địa.

Giải thích: Đặc thành tựu viên mãn, phải biết là lúc đó tu tập các địa đã đến cứu cánh.

Luận nói: “Tu các địa này làm sao thấy được? Là các Bồ-tát trong từng địa tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, là do năm thứ tướng tu. Những gì là năm? Là tu tập tổng, tu vô tướng, tu vô công dụng, tu xí thịnh, tu vô hỷ tức. Như vậy năm thứ tu khiến cho các Bồ-tát làm thành năm quả, là trong niệm niệm tiêu dung tất cả chỗ dựa thô trọng, lìa vô số tướng đặc vườn pháp an lạc, có thể biết rõ chính xác vô lượng phần hạn tướng đại pháp quang minh hiện hành khắp, thuận phần thanh tịnh không chốn phân biệt, vô tướng hiện hành, vì khiến cho Pháp thân thành tựu viên mãn biện, có thể chính xác thấu nhận các thắng nhân sau”.

Giải thích: Như mỗi mỗi địa có năm tướng tu, bây giờ sẽ hiển thị. Tu Xa-ma-tha (chỉ) Tỳ-bát-xá-na (quán) đều do năm tướng cùng đặc tu tập. “Trong niệm niệm tiêu dung tất cả chỗ dựa thô trọng”, là phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng từ vô thủy đến nay huân tập chủng tử, gọi là thô trọng. Hai tụ chướng này do duyên nơi tổng pháp mà lực trí của chỉ, quán niệm niệm tiêu dung. Trong ấy có ý là bám tụ chướng bị phá trừ gọi là tiêu dung, hoặc làm cho suy tổn gọi là tiêu dung. “Lìa vô số tướng đặc vườn pháp an lạc”, là pháp của khế kinh trụ nơi vô số tánh, xa lìa vô số tánh tướng như vậy, liền chứng đắc niềm vui của vườn pháp. Trong đó có thể ở, nên gọi là vườn. Lại có nghĩa khác, là trong tùy chỗ thọ nhận pháp tâm tư, không khởi lãnh thọ quán sát thô hiển, chỉ do chỉ, quán ức niệm quang minh, khởi lãnh thọ quán sát vi tế. “Có thể biết rõ chính xác chu biến vô lượng phần hạn tướng đại pháp quang minh”, là hiểu rõ chính xác tướng của mười phương vô biên vô phần hạn. Như khéo tập tụng văn tự quang minh gọi là pháp quang minh. “Thuận phần thanh tịnh không chốn phân biệt, vô tướng hiện hành”, là sự thành tựu các pháp tương ứng, gọi là thuận phần thanh tịnh không chốn phân biệt, vô tướng hiện hành. Trong đây có ý lấy chỗ đặc quả Phật gọi là sự thành tựu đầy đủ. “Vì khiến cho Pháp thân thành tựu viên mãn, có thể chính xác thấu nhận các thắng nhân sau”, là Pháp thân của địa thứ mười gọi là viên mãn, Pháp thân của Phật địa thứ mười một gọi

là thành tựu trọn vẹn, là tối thù thắng trong tất cả nhân sinh Phật địa, nên nói “có thể chính xác thấu nhận các thắng nhân sau”.

Luận nói: “Do tăng thắng cho nên nói trong mười địa riêng tu mười thứ Ba-la-mật-đa, đối với chỗ tu sáu Ba-la-mật-đa của sáu địa, như trước đã nói. Sự tu bốn Ba-la-mật-đa của bốn địa sau: 1. Ba-la-mật-đa phương tiện thiện xảo, là lấy chỗ tụ tập thiện căn của sáu Ba-la-mật-đa trước cùng chung hữu tình hồi hướng cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. 2. Ba-la-mật-đa nguyện, là phát vô số đại nguyện vi diệu, dẫn thấu các duyên thù thắng Ba-la-mật-đa vị lai. 3. Ba-la-mật-đa lực, là do hai lực tư duy quyết chọn và tu tập, khiến cho sáu Ba-la-mật-đa trước hiện hành vô gián. 4. Ba-la-mật-đa trí, là do sáu Ba-la-mật-đa trước thành lập diệu trí thọ dụng pháp lạc, thành thực hữu tình. Lại nữa, bốn thứ Ba-la-mật-đa này, phải biết là chỗ thuộc về của Bát-nhã Ba-la-mật-đa trí Vô phân biệt, trí hậu đắc. Lại nữa, trong tất cả địa không phải không tu tập tất cả Ba-la-mật-đa, như vậy pháp môn là chỗ thuộc về của tạng Ba-la-mật-đa”.

Giải thích: “Do tăng thắng nên nói trong mười địa riêng tu mười thứ Ba-la-mật-đa”, là trong mười địa mà nói như vậy, địa thứ nhất thì bố thí Ba-la-mật-đa rất là tăng thắng, ngoài ra tất cả Ba-la-mật-đa không phải không tu tập, tùy lực tùy phần, cho đến địa thứ mười thì trí Ba-la-mật-đa rất là tăng thắng, ngoài ra tất cả Ba-la-mật-đa không phải không tu tập, tùy lực, tùy phần, nên nói “do tăng thắng nên nói trong mười địa riêng tu mười thứ Ba-la-mật-đa”. Nếu theo tổng tướng mà nói thì trong tất cả địa đều tu tất cả Ba-la-mật-đa. “Đối với sự tu sáu thứ Ba-la-mật-đa của sáu địa trước, như trước đã nói”, là hiển thị thứ lớp tu riêng mười thứ Ba-la-mật-đa, như trước đã dẫn kinh, đầu tiên nói bố thí Ba-la-mật-đa, sau cùng nói trí Ba-la-mật-đa. Hiện tại trong luận này như đã nói trước có chút ít không đầy đủ. Là sự tu bốn pháp Ba-la-mật-đa của bốn địa sau, điều trước chưa nói hết, là nếu chỗ đó chỉ nói sáu thứ Ba-la-mật-đa, tức là tại chỗ này thì bốn pháp Ba-la-mật-đa của phương tiện thiện xảo gồm thấu trong đó. Nếu tại chỗ đó nói mười Ba-la-mật-đa thì trong đó chỉ nói trí Vô phân biệt gọi là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Ngoài ra bốn pháp Ba-la-mật-đa của phương tiện thiện xảo thì trí hậu đắc thấu tóm, nên trong bốn địa sau tu bốn pháp Ba-la-mật-đa còn lại. Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, là trước hết nói pháp thứ nhất trong bốn pháp Ba-la-mật-đa sau. “Cùng chung hữu tình”, là đem các thiện này chung với chư hữu tình, như chỗ có chung, bây giờ hiển thị, là đem thiện này nguyện cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, làm tất cả nghĩa lợi của

tất cả hữu tình, phải chứng Bồ-đề thì ý này mới toại, nên nếu có tư duy như vậy thì hết thấy thiện căn đều hồi hướng nơi chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, làm tất cả nghĩa lợi của các hữu tình, như vậy gọi là cùng chung các hữu tình. Phương tiện thiện xảo là hiển thị Bát-nhã và đại bi, là lấy chỗ tụ tập thiện căn của sáu Ba-la-mật-đa trước cùng chung với hữu tình, đây là do đại bi hồi hướng cầu chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, không cầu các quả để thích và giàu vui, do biết rõ nên không khởi phiền não, đây tức là Bát-nhã. Lại nữa, do đầy đủ phương tiện thiện xảo nên không bỏ sinh tử mà không có nhiễm ô, do đó gọi là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa. “Là phát vô số đại nguyện vi diệu, dẫn thấu các duyên thù thắng Ba-la-mật-đa vi lai”, đây là hiển thị chỗ tạo tác sự nghiệp của nguyện Ba-la-mật-đa, nguyện này tức là Ba-la-mật-đa, nên gọi là nguyện Ba-la-mật-đa. “Vi lai”, là vì vi lai, đây là hành vi, đệ thất chuyển thành, vì vi lai mà phát các thứ nguyện. Các kệ kinh khác nói có hai thứ lực, một là lực xét chọn, hai là lực tu tập. Hoặc tuy người chưa có lực tu tập, nhưng do lực xét chọn tinh tấn tu tập Ba-la-mật-đa thì nói do Ba-la-mật-đa này hiện hành vô gián. Đây là hiển thị chỗ tạo tác sự nghiệp của lực Ba-la-mật-đa. “Là do sáu thứ Ba-la-mật-đa trước thành lập diệu trí thọ dụng pháp lạc, thành thực hữu tình”, là do Bát-nhã Ba-la-mật-đa với tự tánh trí Vô phân biệt, mà thành lập diệu trí hậu đắc, lại do trí này thành lập sáu Ba-la-mật-đa trước, do đây tự vì cùng với người đồng pháp thọ dụng pháp lạc, và vì thành thực tất cả hữu tình. “Như vậy pháp môn là chỗ thâm tóm của Ba-la-mật-đa tạng”, trong đây tất cả giáo pháp Đại thừa đều gọi chung tên là tạng đến bờ kia, như vậy chỗ dẫn pháp môn mười địa là tạng này thâm tóm, không phải tạng Thanh-văn gồm thâm. Trong tất cả địa đều tu tất cả Ba-la-mật-đa, như vậy các địa khắp tất cả quốc độ của chư Phật, tất cả chư Phật đồng chỗ nói nên tối thắng, vì do pháp môn này là tối thắng nên khi tối sơ thì thuyết tại xứ tối thắng, xứ này cao rộng thù diệu bền chắc nên gọi là tối thắng.

Luận nói: “Lại nữa, gồm trải qua bao nhiêu thời gian, tu hành các địa có thể đắc viên mãn? Có năm Bồ-đặc-già-la (hữu tình) trải qua ba vô số đại kiếp. Là Bồ-đặc-già-la giải hành tối thắng, trải qua vô số đại kiếp thứ nhất tu hành viên mãn. Là Bồ-đặc-già-la thanh tịnh tăng thượng ý lạc hạnh và Bồ-đặc-già-la hành hữu tướng, hành vô tướng, đối với sáu địa trước và địa thứ bảy trải qua vô số đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn. Tức là Bồ-đặc-già-la hành vô công dụng, từ đây trở lên đến địa thứ mười trải qua vô số đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Trong đây có tụng:

*Lực tăng thượng thanh tịnh,
Tâm kiên cố thắng tiến,
Là Bồ-tát mới tu,
Vô số ba đại kiếp”.*

Giải thích: “Có năm Bồ-đặc-già-la trải qua ba vô số đại kiếp”, là Bồ-đặc-già-la thắng giải hạnh, trong địa giải hạnh trải qua vô số đại kiếp thứ nhất tu hành viên mãn, đã viên mãn rồi thì thông đạt chân như. Thành Bồ-đặc-già-la ý lạc thanh tịnh tăng thượng, ý lạc thanh tịnh tăng thượng này khắp trong mười địa, Bồ-đặc-già-la này tại sáu địa gọi là Bồ-đặc-già-la hữu tướng hành, tại địa thứ bảy thì gọi là Bồ-đặc-già-la hành vô tướng hữu công dụng, hai Bồ-đặc-già-la này trải qua vô số đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn. Nhập địa thứ tám thì gọi là Bồ-đặc-già-la hành vô công dụng, nhưng hành vô công dụng này cũng chưa được thành mãn, nếu đến địa thứ chín, địa thứ mười thì hành vô công dụng mới được thành mãn, Bồ-đặc-già-la này trải qua vô số đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Như vậy chỉ nơi có một Bồ-đặc-già-la với quả vị sai biệt nên kiến lập năm thứ, ví như dự lưu, nhất lai và bất hoàn, như nói trải qua ba vô số đại kiếp thì đặc Bồ-đề của Phật, từ vô tử sinh tử luôn luôn tu thí... luôn luôn gặp chư Phật. Bằng với thời gian nào gọi là tối sơ tu ba vô số kiếp? Do đó đem kệ để hiển bày giải thích câu hỏi này. “Lực thanh tịnh tăng thượng”, là lực thiện căn và lực đại nguyện. Do lực thiện căn nên biết cái bị đối trị không thể hàng phục. Do lực đại nguyện, nên biết thường gặp các thiện tri thức. “Tâm kiên cố thắng tiến”, là phát tâm kiên cố, khởi hạnh tăng tiến. “Tâm kiên cố”, phải biết là phát tâm đại Bồ-đề, lực của các bạn ác không thể làm cho buông bỏ. “Hành tăng tiến”, phải biết là trong hiện tại và đời đời pháp thiện thường tăng, cuối cùng không giảm sút. Các nghĩa còn lại dễ hiểu, không phiền giải thích lại!

